

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Nguyệt và ông Phạm Thế Chiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Khu L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T – Giám đốc phòng giao dịch huyện K – Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: đường D, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà H B, ông Y W.

Địa chỉ: Buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2020 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Bùi Quang T trình bày:

Vào ngày 12/11/2011 Ngân hàng C ký hợp đồng tín dụng số số 6000004100027983 cho vợ chồng bà H B và ông Y W vay số tiền 31.000.000đ theo chương trình Học sinh sinh viên, lãi suất vay trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, hạn trả nợ ngày 12/10/2018 và đã được Ngân hàng cho gia hạn nhiều lần. Ngày 02/01/2020 bị đơn đã trả gốc 7.000.000đ, dư nợ gốc là 24.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến 29/6/2020 là 18.915.761^d.

Ngày 23/12/2016 Ngân hàng C ký hợp đồng tín dụng số ký hợp đồng tín dụng số 6600000709223557 cho bà H B và Y W vay số tiền 30.000.000đ theo chương

trình hộ cận nghèo, lãi suất vay trong hạn 0,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, định kỳ trả nợ gốc 12 tháng, bắt đầu trả gốc ngày 12/12/2017, mỗi kỳ trả 7.500.000đ, hạn trả kỳ cuối cùng ngày 12/12/2020, tiền lãi trả hàng tháng. Thực hiện hợp đồng bị đơn chưa trả được khoản nợ gốc và tiền lãi, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay. Đối với khoản nợ này bị đơn còn nợ tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến 29/6/2020 là 8.242.740đ;

Ngày 12/8/2017 Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 6600000710904069 cho bà H B và ông Y W vay số tiền 12.000.000đ theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất vay trong hạn 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/8/2022. Định kỳ trả 06 tháng trả một lần số tiền gốc 1.200.000đ, lãi trả hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H B và ông Y W vi phạm nghĩa vụ trả nợ không trả khoản nợ gốc và lãi nào cho ngân hàng. Dư nợ đến ngày 29/6/2020 là nợ gốc 12.000.000đ, lãi là 3.114.000đ.

Ngân hàng yêu cầu bà H B và ông Y W phải trả cho Ngân hàng tổng cộng nợ gốc của 03 khoản vay là 66.000.000đ và tiền lãi phát sinh của ba hợp đồng tính đến 29/6/2020 là 30.272.501^d.

Bị đơn bà H B trình bày: Vào ngày 12/11/2011 vợ chồng bà H B và ông Y W ký hợp đồng tín dụng số 6000004100027983 với Ngân hàng C (tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K) vay số tiền 31.000.000đ theo chương trình Học sinh sinh viên, lãi suất vay trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, hạn trả nợ ngày 12/10/2018 và đã được Ngân hàng cho gia hạn nhiều lần. Ngày 02/01/2020 đã trả gốc 7.000.000đ. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên ông bà chưa trả được nợ. Hiện nay ông bà còn nợ tiền gốc 24.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến nay chưa trả.

Ngày 23/12/2016 vợ chồng bà H B và ông Y W) ký hợp đồng tín dụng số 6600000709223557 với Ngân hàng C (tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K) vay số tiền 30.000.000đ theo chương trình hộ cận nghèo, lãi suất vay trong hạn 0,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, hạn trả nợ ngày 12/12/2020. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên ông bà chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền nào. Hiện nay ông bà còn nợ tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến nay chưa trả.

Ngày 12/8/2017 vợ chồng bà H B và ông Y W ký hợp đồng tín dụng số 6600000710904069 với Ngân hàng C (tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K) vay số tiền 12.000.000đ theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất vay trong hạn 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, hạn trả nợ ngày 12/8/2022. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên ông bà chưa trả được. Hiện nay ông bà còn nợ tiền gốc 12.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến nay chưa trả.

Tổng cộng bà còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc của 03 khoản vay là 66.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến nay chưa trả. Nguyên vọng của bà H B xin Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà trả dần.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn

cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H B, ông Y W phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 66.000.000đ và tiền lãi là 30.272.501^d.

Bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở địa bàn xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng C nhưng vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng C đã khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại buôn R, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H B, ông Y W phải trả khoản tiền nợ gốc của ba hợp đồng tín dụng là 66.000.000^d và tiền lãi là 30.272.501^d, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với hợp đồng tín dụng số 6000004100027983 ký kết ngày 12/11/2011 Ngân hàng C đã giải ngân cho bị đơn vay từ ngày 12/11/2011 đến 11/12/2014 tổng

cộng 31.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả được nợ gốc 7.000.000đ, số tiền gốc còn lại và tiền lãi là chưa trả cho Ngân hàng, khoản nợ đã quá hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay theo hợp đồng đã ký kết. Hiện bị đơn còn nợ tiền gốc 24.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến ngày 29/6/2020 là 18.915.761đ.

[2.2] Đối với hợp đồng tín dụng số ký hợp đồng tín dụng số 6600000709223557 ký kết ngày 23/12/2016 Ngân hàng cho bà H B và ông Y W vay số tiền 30.000.000đ theo chương trình hộ cận nghèo, lãi suất vay trong hạn 0,66%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, phân kỳ trả nợ gốc 12 tháng, bắt đầu trả gốc ngày 12/12/2017, mỗi kỳ trả 7.500.000đ, hạn trả cuối cùng ngày 12/12/2020. Tiền lãi trả hàng tháng. Thực hiện hợp đồng bị đơn chưa trả được khoản nợ gốc và tiền lãi nào cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay. Hiện bị đơn còn nợ tiền gốc 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến 29/6/2020 là 8.242.740đ;

[2.3] Hợp đồng tín dụng số 6600000710904069 ký kết ngày 12/8/2017 , Ngân hàng ký cho bà H B và ông Y W vay số tiền 12.000.000đ, theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất vay trong hạn 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/8/2022. Định kỳ trả 06 tháng trả một lần số tiền gốc 1.200.000đ, tiền lãi trả hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ không trả khoản nợ gốc và lãi nào cho ngân hàng. Nên ngân hàng có quyền thu nợ trước hạn. Dư nợ đến ngày 29/6/2020 là nợ gốc 12.000.000đ, lãi là 3.114.000đ.

[2.4] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng C khởi kiện bị đơn để đòi nợ. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bị đơn bà H B, ông Y W phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc của ba hợp đồng tín dụng tổng cộng là 66.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/6/2020 là 30.272.501^d.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến ngày bị đơn trả xong nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn là người dân tộc thiểu số sống ở địa bàn xã có hoàn cảnh kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà H B, ông Y W.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Buộc bà H B, ông Y W phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 66.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 29/6/2020 là 30.272.501^d.

Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/6/2020 theo các hợp đồng tín dụng số 6000004100027983 ký kết ngày 12/11/2011, hợp đồng tín dụng số 6600000709223557 ký kết ngày 23/12/2016 và hợp đồng tín dụng số 6600000710904069 ký kết ngày 12/8/2017 cho đến ngày bị đơn H B, ông Y W trả xong nợ cho ngân hàng.

2/ Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà H B, ông Y W.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên